TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 369/2018/HS-PT
Ngày 13 - 7 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên
Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Bình
Ông Đặng An Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh* tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 68/2018/TLPT- HS ngày 31 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo Đỗ Quang K. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2017/HSST ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo kháng cáo: Đỗ Quang K, sinh năm 1982 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: xxx H, phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên hợp đồng Bảo hiểm xã hội thị xã L; con ông Đỗ Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim M; có vợ Nguyễn Thị Tuyết K và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2015 đến ngày 20/5/2016 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Chu Văn H - Văn phòng Luật sư Chợ Lớn, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(Trong vụ án còn có nguyên đơn dân sự là Bảo hiểm xã hội thị xã L không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 6/2007, Đỗ Quang K vào làm nhân viên hợp đồng tại Bảo hiểm xã hội thị xã L, tỉnh Đồng Nai. Ki được Giám đốc Bảo hiểm xã hội thị xã L giao nhiệm vụ thu tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, đến tháng 12/2008 K được giám đốc giao nhiệm vụ áp tải tiền cùng với thủ quỹ mỗi khi thủ quỹ rút tiền mặt tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn - Chi nhánh L. Từ tháng 5/2009, K được Giám đốc giao thêm nhiệm vụ thu tiền bảo hiểm xã hội tự nguyện, ngoài ra K còn được Giám đốc giao nhiệm vụ phụ trách bộ phận công nghệ thông tin của Bảo hiểm xã hội thị xã L.

Từ năm 2008 đến tháng 5/2009, Nguyễn Thị Thanh L1 là nhân viên phụ trách thu tiền bảo hiểm y tế tự nguyện của Bảo hiểm xã hội thị xã L, các đại lý do L1 phụ trách thu bảo hiểm gồm: 15 Uỷ ban nhân dân xã, phường và 39 trường học trên địa bàn thị xã L. Theo quy định, L1 phải hướng dẫn các đại lý nộp tiền mua bảo hiểm vào tài khoản số 5906202000017 (gọi tắt là tài khoản 017) là tài khoản chuyên thu của Bảo hiểm xã hội L mở tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn - Chi nhánh L, nhưng L1 đã trực tiếp thu tiền mặt của các đại lý số tiền là 3.190.161.325 đồng, L1 không nộp số tiền này vào tài khoản 017 mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Đến tháng 6/2009, L1 được bổ nhiệm chức vụ phụ trách kế toán, được giám đốc giao quản lý cuốn séc tiền mặt của Bảo hiểm xã hội L. L1 đã thuê người khắc con dấu chữ ký của ông Trần Bá Đ - Giám đốc Bảo hiểm xã hội L - Chủ tài khoản đóng vào mục "người phát hành" trên tờ séc tiền mặt để rút tiền từ tài khoản 5906202000030 (gọi tắt là tài khoản 030) là tài khoản chuyên chi của Bảo hiểm xã hội L mở tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn - Chi nhánh L để chuyển nộp bù trừ lại vào tài khoản 017 và tiếp tục chiếm đoạt một phần trên tổng số tiền rút từ tài khoản 030.

Để thực hiện hành vi trên, trong khoảng thời gian từ ngày 10/9/2009 đến ngày 01/4/2010, L1 đã viết 12 tờ séc tiền mặt; trên mỗi tờ séc L1 đã đóng sẵn dấu khắc giả mạo chữ ký của ông Trần Bá Đ - Giám đốc Bảo hiểm xã hội L - Chủ tài khoản ở mục "Người phát hành", L1 ký tên ở mục "Kế toán trưởng", đóng dấu tròn của Bảo hiểm xã hội L ở mục "Dấu" rồi nhờ Đỗ Quang K ký tên của K ở mục "Người nhận tiền" trên tờ séc và nhờ K ký tên trên các bảng kê chi tiền của ngân hàng. Mỗi lần nhờ K ký, L1 đều nói là do L1 chuyển tiền bị nhầm tài khoản, Bảo hiểm xã hội Đồng Nai chuyển tiền sai tài khoản, Bảo hiểm xã hội L đang phát hành thẻ bảo hiểm...L1 là kế toán trưởng không được ký tên ở mục "Người nhận tiền" trên séc, nên phải nhờ K ký séc để rút tiền chuyển bù trừ lại cho đúng tài khoản.

Mặc dù K không biết hành vi vi phạm pháp luật của L1, không biết việc ký tên trên séc tiền mặt là để cho L1 thực hiện hành vi rút và chiếm đoạt tiền của Bảo hiểm xã hội L, tuy nhiên K biết rõ việc ký tên trên séc tiền mặt không phải là nhiệm vụ của K nhưng do nể nang nên K đã làm trái công vụ ký tên trên 12 tờ séc tiền mặt do L1 nhờ, dẫn đến hậu quả L1 đã sử dụng 12 tờ séc này rút tiền từ tài khoản 030 và 023 (tài khoản lương) của để nộp bù trừ vào tài khoản 017, 030 của Bảo hiểm xã hội L mở tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn L và chiếm đoạt, gây thiệt hại 376.000.885 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm, không chục nghìn, tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) của Nhà nước.

Cụ thể:

1/ Tờ Séc số AM 636004 ngày 10/9/2009 số tiền 150.000.000 đồng, K ký tên trên séc và cùng với L1 đến Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn L, L1 rút 150.000.000 đồng từ tài khoản 030, K ký tên trên các bảng kê chi tiền mặt của ngân hàng, L1 nhận 150.000.000 đồng.

Các ngày 30/7/2009, 31/8/2009, 29/9/2009 và 30/9/2009, L1 đến Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn L nộp lại tổng cộng 1.050.000.000 đồng vào tài khoản 030. (Nộp tiền lại cho 04 tờ Séc tiền mặt mà L1 ký giả chữ ký Nguyễn Bá Đ - Chủ tài khoản rút tiền từ tài khoản 030 từ ngày 03/7/2009 đến 01/9/2009 với tổng số tiền là 1.150.000 đồng, 04 tờ séc này không liên quan đến Đỗ Quang K).

2/ Tờ séc số AM 636029 ngày 01/10/2009 số tiền 500.000.000 đồng, K ký tên trên séc và cùng L1 đến Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn L, L1 rút 500.000.000 đồng từ tài khoản 030, K ký tên trên bảng kê chi tiền mặt của ngân hàng, L1 nhận 500.000.000 đồng.

3/ Tờ séc số AM 636030 ngày 30/10/2009 số tiền 317.096.000 đồng, K ký tên trên séc và ký tên trên các bảng kê chi tiền của ngân hàng do L1 đưa. Đến ngày 04/11/2009 L1 đến Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn L lập thủ tục rút 317.096.000 đồng từ tài khoản 030 và ký giả chữ ký của K cùng 12 đại lý khác trên giấy nộp tiền để nộp bù trừ lại 317.096.000 đồng này vào tài khoản 017.

4/ Tờ séc số AM 636790 ngày 06/11/2009 số tiền 350.000.000 đồng, K ký tên trên séc và cùng L1 đến Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn L, L1 rút 350.000.000 đồng từ tài khoản 030, nộp bù trừ lại 3.752.000 đồng vào tài khoản 017, K ký tên trên bảng kê chi tiền mặt của ngân hàng, L1 nhận số tiền còn lại là 346.248.000 đồng.

5/ Tờ séc số AM 636763 ngày 19/11/2009 số tiền 200.000.000 đồng, K ký tên trên séc và cùng L1 đến Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn L, L1 rút 200.000.000 đồng từ tài khoản 030, K ký tên trên bảng kê chi tiền mặt của ngân hàng, L1 nhận 200.000.000 đồng.

Trong ngày 31/12/2009, L1 đến Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn L nộp lại 03 lần tổng cộng là 1.600.000.000 đồng vào tài khoản 030.

6/ Tờ séc số AM 636807 ngày 29/01/2010 số tiền 2.500.000.000 đồng, K ký tên trên séc và ký tên trên bảng kê chi tiền của ngân hàng do L1 đưa, L1 đến Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn L rút 2.500.000.000 đồng từ tài khoản 030, sau đó ký giả mạo chữ ký của Đỗ Quang K và 43 đại lý khác để nộp bù trừ 2.085.566.425 đồng vào tài khoản 017. L1 chuyển 403.318.575 đồng vào tài khoản số 0121001407997 của L1 mở tại Ngân hàng Ngoại thương Đồng Nai. Còn lại 11.115.000 đồng, ngày 01/02/2010 Trần Thị Thùy T (kế toán ngân hàng) gọi K đến ngân hàng ký tên trên bảng kê chi tiền để nhận lại số tiền này. Sau khi nhận, K đã giao lại 11.115.000 đồng cho L1.

7/ Tờ séc số AM 636810 ngày 05/02/2010 số tiền 350.000.000 đồng, K ký tên trên séc và ký tên trên bảng kê chi tiền của ngân hàng do L1 đưa, L1 đến Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn L rút 350.000.000 đồng từ tài khoản 030, ký giả chữ ký của K trên giấy nộp tiền và chuyển toàn bộ số tiền này vào tài khoản số 0121001445599 của Lương Thị Ngọc H (em dâu L1) mở tại Ngân hàng Vietcombank Đồng Nai.

8/ Tờ séc số AM 636815 ngày 26/02/2010 số tiền 22.050.900 đồng, K ký tên trên séc và ký tên trên bảng kê chi tiền của ngân hàng do L1 đưa, L1 đến Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn L lập thủ tục rút 22.050.900 đồng từ tài khoản 030, sau đó L1 ký giả chữ ký của K và 08 đại lý khác trên các giấy nộp tiền để nộp bù trừ lại 22.050.900 đồng vào tài khoản 017.

9/ Tờ séc số AM 636814 ngày 26/02/2010 số tiền 565.229.310 đồng, K ký tên séc và ký tên trên bảng kê chi tiền của ngân hàng do L1 đưa, L1 đến Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn L lập thủ tục rút 565.229.310 đồng từ tài khoản 030 và ký giả chữ ký của K trên giấy nộp tiền để chuyển toàn bộ số tiền này vào tài khoản 0121001445599 của Lương Thị Ngọc H (em dâu L1) mở tại Ngân hàng Vietcombank Đồng Nai.

10/ Tờ séc số AM 636816 ngày 16/3/2010 số tiền 600.000.000 đồng, K ký tên trên séc và ký tên trên bảng kê chi tiền của ngân hàng do L1 đưa, L1 đến Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn L lập thủ tục rút 600.000.000 đồng từ tài khoản 023 (tài khoản lương) và ký giả chữ ký của chị Nguyễn Thị

Hồng P (thủ quỹ BHXH L) để nộp bù trừ lại 600.000.000 đồng này vào tài khoản 030.

11/ Tờ séc số AM 636817 ngày 23/3/2010 số tiền 761.786.000 đồng, K ký tên trên séc, L1 đến Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn L lập thủ tục rút 761.786.000 đồng từ tài khoản 030, sau đó L1 ký giả chữ ký của K và 14 đại lý khác để nộp bù trừ lại 761.696.000 đồng này vào tài khoản 017. Số tiền còn lại là 90.000 đồng, đến ngày 24/3/2010 Trần Thị Thùy T (kế toán ngân hàng) gọi K đến ngân hàng ký tên trên bảng chi tiền để nhận lại 90.000 đồng, số tiền này K đã đưa lại cho L1.

Các ngày 29/3/2010 và 31/3/2010, L1 đến Ngân hàng hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn L nộp lại tổng cộng 650.000.000 đồng vào tài khoản 030.

12/ Tờ séc số AM 636818 ngày 01/4/2010 số tiền 250.000.000 đồng, K ký tên trên séc và ký tên trên bảng kê chi tiền của ngân hàng do L1 đưa, L1 đến Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn L lập thủ tục rút 250.000.000 đồng từ tài khoản 030 và ký giả chữ ký của K trên giấy nộp tiền để chuyển toàn bộ 250.000.000 đồng vào tài khoản số 0121001445599 của Lương Thị Ngọc H (em dâu L1) mở tại Ngân hàng Vietcombank Đồng Nai.

Tổng số tiền của 12 tờ séc Nguyễn Thị Thanh L1 nhờ Đỗ Quang K ký tên để L1 rút tiền từ các tài khoản 030 và 023 là 6.566.162.210 đồng. Sau khi rút, L1 đã nộp bù trừ vào các tài khoản 017 và 030 của Bảo hiểm xã hội L là 3.790.161.325 đồng, số tiền L1 giữ bên ngoài là 2.776.000.885 đồng.

- Tờ séc số AM 636004 ngày 10/9/2009 số tiền 150.000.000 đồng (Tờ séc đầu tiên K ký tên), các ngày 30/7/2009, 31/8/2009, 29/9/2009 (trước ngày K ký séc) và 30/9/2009 (sau ngày K ký tờ séc đầu tiên), Nguyễn Thị Thanh L1 đã nộp lại vào tài khoản 030 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn L tổng số tiền 1.050.000.000 đồng (gồm tiền của 04 tờ séc do L1 chiếm đoạt trước đó và 01 tờ séc AM 636044 do K ký) nên số tiền L1 chiếm đoạt trên tờ séc này được tính là 2.776.000.885 đồng - 150.000.000 đồng = 2.626.000.885 đồng.

- Các ngày 31/12/2009, 29/3/2010 và 31/3/2010 Nguyễn Thị Thanh L1 đã nộp lại vào tài khoản 030 với tổng số tiền là 2.250.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền Nguyễn Thị Thanh L1 chiếm đoạt của Bảo hiểm xã hội L trên 12 tờ séc tiền mặt do nhờ Đỗ Quang K ký tên ở mục "Người nhận tiền" là 2.626.000.885 đồng - 2.250.000.000 đồng = 376.000.885 đồng *(Ba trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm không chục không nghìn, tám trăm tám mươi lăm đồng).*

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 78/2017/HSST *ngày* 22/12/2017 *của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:*

Tuyên bố bị cáo Đỗ Quang K phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

Áp dụng khoản 1 Điều 281; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Quang K 02 năm 6 tháng tù (Hai năm, sáu tháng). Thời hạn tù tình từ ngày bắt vào trại Thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ 10/9/2015 đến 20/5/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 22, 25/12/2017, bị cáo Đỗ Quang K kháng cáo kêu oan.

Ngày 16/4/2018, bị cáo Đỗ Quang K thay đổi nội dung kháng cáo với nội dung: Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã xét xử bị cáo đúng người, đúng tội, nay bị cáo xin thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét tuyên mức án bằng với thời gian tạm giam là 08 tháng 10 ngày hoặc cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 16/4/2018, bị cáo nộp 01 giấy khen của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai đối với ông Đỗ Quang K đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2009.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Đỗ Quang K thừa nhận toàn bộ hành vi "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" như nhận định và tuyên xử của bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù giam theo khoản 1 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, so với mức độ (phạm tội nhiều lần) và tính chất, hậu quả của của hành vi phạm tội gây ra. Bị cáo K kháng cáo giảm nhẹ hình phạt, nhưng không phát sinh tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có cơ sở xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Quang K trình bày: Bị cáo K đã thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan sang giảm nhẹ hình phạt, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn các con còn nhỏ; số tiền chiếm đoạt đã được Nguyễn Thị Thanh L1 nộp lại để khắc phục hậu quả. Ngoài ra, bị cáo có nộp 01 giấy khen của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai tặng cho bị cáo do đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2009 là tình tiết giảm nhẹ mới theo điểm s

khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt hoặc cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Đỗ Quang K kháng cáo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Đỗ Quang K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Bị cáo Đỗ Quang K là nhân viên hợp đồng của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai, được phân công làm việc tại Bảo hiểm xã hội thị xã L. Trong khoảng thời gian từ ngày 10/9/2009 đến ngày 01/4/2010, bị cáo K biết rõ việc ký tên trên séc tiền mặt không phải nhiệm của mình và cũng không được Ban giám đốc Bảo hiểm xã hội thị xã L phân công ký tên trên séc tiền mặt. Nhưng do nể nang, tin tưởng Nguyễn Thị Thanh L1 là nhân viên kế toán của cơ quan, nên bị cáo đã ký tên trên 12 tờ séc để rút tiền mặt từ tài khoản 030 và 023 của Bảo hiểm xã hội thị xã L mở tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn thị xã L. Hành vi của bị cáo đã tạo điều kiện cho Nguyễn Thị Thanh L1 sử dụng 12 tờ séc này để rút số tiền mặt trái quy định pháp luật là 6.566.162.210 đồng tại Ngân hàng. Nhưng do sợ bị phát hiện, nên L1 đã nhiều lần nộp bù để khắc phục hậu quả, nên thiệt hại chỉ còn 376.000.885 đồng (Ba trăm, bảy mươi sáu triệu, không trăm không chục, không nghìn, tám trăm tám mươi lăm đồng). Do vậy, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo Đỗ Quang K phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo khoản 1 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, không oan cho bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Đỗ Quang K thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của nhà nước, gây mất trật tự xã hội, nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo K là nhân viên hợp đồng, bị cáo thực hiện hành vi một cách thụ động, do nể nang L1; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia đình khó khăn các con còn nhỏ, số tiền chiếm đoạt đã được Nguyễn Thị Thanh L1 nộp lại để khắc phục hậu quả. Ngoài ra, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo có nộp 01 giấy khen của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai tặng cho bị cáo do đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2009. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy mức

hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng với bị cáo là có phần nghiêm khắc, nên quyết định giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Bị cáo bị bắt từ ngày 10/9/2015 đến ngày 20/5/2016, thì đã chấp hành được 08 tháng 10 ngày tù, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng mức hình phạt bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam cũng đã đủ cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời tạo điều kiện để bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Đỗ Quang K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2017/HSST ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Quang K. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2017/HSST ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng khoản 1 Điều 281; điểm b, p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Quang K phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Quang K 08 (tám) tháng 10 (ngày) tù, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/9/2015 đến ngày 20/5/2016. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đỗ Quang K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 78/2017/HSST ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 13/7/2018.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM(1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- Công an tỉnh Đồng Nai (1);
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Bị cáo (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (3), 12b (PMT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Duyên